

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2022/HNGĐ- ST
Ngày 10/11/2022
“V/v Tranh chấp HN&GD”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Xuân Mai; bà Dương Thị Kim Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 254/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1995 (có mặt).

Trú tại: Thôn T xã T, huyện M, thành phố H.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị H từ ngày 31/12/2021, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, thành phố H. Sau khi kết hôn chị Hà về làm dâu gia đình anh ngay. Quá trình chung sống ngay ban đầu vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau vô cớ, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay anh xác định cuộc sống chung không thể kéo dài như vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất thổ cư, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết.

***Bị đơn trình bày:** Không đến Tòa án làm việc, Tòa án không lấy được lời khai của chị H; ông Vũ Ngọc T (bố đẻ chị H) cho biết, chị H kết hôn với anh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2021, tại UBND xã T, sau khi kết hôn chị H về sống với anh T đến tháng 7/2022 chị H về nhà ông T và đi học tại H. Vợ chồng anh Trường và chị H chưa có con chung, việc mâu thuẫn như thế nào gia đình ông không rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Về con chung không có. Về tài sản, công sức, công nợ không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T. Về con chung; Về tài sản, công sức, công nợ không có nên không xem xét. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 29 tháng 8 năm 2022 anh Trần Văn T, sinh năm 1995; trú tại: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố H, có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị H, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố H, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nghiêm chỉnh chấp hành, bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của anh Trần Văn T đối với chị Vũ Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Anh T và chị Hà kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND xã T, huyện M, thành phố H, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2022 mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và cách sống nên vợ chồng mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà mẹ

đề từ tháng 7/2022 đến nay, xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận.

Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất thổ cư, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình: Anh T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51,56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 274 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị H

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020636 ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Nga

